

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công**  
**trung hạn giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 04/3/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

UBND thị xã trình Hội đồng nhân dân thị xã thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

**I. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025**

Tổng kế hoạch đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.250 tỷ đồng (tăng 858 tỷ đồng so với so với kế hoạch trung hạn được thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 04/3/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã), cụ thể như sau:

**1. Vốn ngân sách tỉnh: 21 tỷ đồng.**

Hỗ trợ xây dựng 30 phòng học: 21.000 tỷ đồng.

**2. Vốn ngân sách địa phương: 2.229 tỷ đồng.**

- Vốn cân đối (XDCCB tập trung): 133 tỷ đồng.

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 2.096 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu chi tiết số 01)

**II. Điều chỉnh danh mục vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:**

(Kèm theo biểu chi tiết số 02).

**III. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:**

**1. Phân bổ chi tiết:**



Tổng vốn đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2021-2025 của thị xã là 1.975,6 tỷ đồng, phân bổ chi tiết như sau:

- Vốn các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2015-2020 chuyển sang: 89,1 tỷ đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 1.878,1 tỷ đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án: 8,4 tỷ đồng.

(Kèm theo Biểu chi tiết số 02).

## 2. Dự phòng chung:

Tổng số vốn dự phòng chung cho kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 274,4 tỷ đồng.

UBND thị xã kính trình Hội đồng nhân dân thị xã xem xét, quyết định././

### Nơi nhận:

- TT. Thị uỷ, TT.HĐND thị xã;
- CT, các PCT.UBND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Các Đại biểu HĐND thị xã;
- Chi cục thuế KV Bình Long – Hón Quán;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, CV (V);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ  
CHỦ TỊCH



*Hoàng Thị Hồng Vân*

Biểu 01

**BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2021-2025**

(Kèm theo Tờ trình số 106 /TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của UBND thị xã Bình Long)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)			Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,392,000</b>	<b>1,259,700</b>	<b>132,300</b>	<b>2,250,000</b>	<b>1,975,600</b>	<b>274,400</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách tỉnh</b>	<b>21,000</b>	<b>21,000</b>	<b>0</b>	<b>21,000</b>	<b>21,000</b>		
1	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng 30 phòng học	21,000	21,000	0	21,000	21,000		
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương</b>	<b>1,371,000</b>	<b>1,238,700</b>	<b>132,300</b>	<b>2,229,000</b>	<b>1,954,600</b>	<b>274,400</b>	
1	Vốn cân đối (XD CB tập trung)	133,000	119,700	13,300	133,000	119,700	13,300	
2	Vốn thu tiền sử dụng đất	1,238,000	1,119,000	119,000	2,096,000	1,834,900	261,100	



## KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 106 /TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của UBND thị xã Bình Long)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2,517,068</b>	<b>1,259,700</b>	<b>509,400</b>	<b>119,700</b>	<b>609,600</b>	<b>21,000</b>	<b>1,975,600</b>	<b>1,834,900</b>	<b>119,700</b>	<b>21,000</b>
<b>A</b>	<b>CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2015-2020 CHUYỂN SANG</b>		<b>148,950</b>	<b>112,600</b>	<b>67,600</b>	<b>11,500</b>	<b>33,500</b>	<b>0</b>	<b>89,100</b>	<b>68,600</b>	<b>20,500</b>	<b>0</b>
<b>a</b>	<b>An ninh</b>		<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3,000</b>	<b>3,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	XD Nhà công vụ Công an thị xã	1283 10/08/2019	3,000	3,000	3,000				3,000	3,000		
<b>b</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>		<b>4,200</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng 06 phòng học lầu trường Tiểu học An Lộc B	2525 30/10/2019	4,200	2,000		2,000			2,000		2,000	
<b>c</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>		<b>9,950</b>	<b>5,300</b>	<b>5,300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5,300</b>	<b>3,300</b>	<b>2,000</b>	<b>0</b>
1	XD hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu phố Phú Tân, phường Hưng Chiến	2566 31/10/2019	5,800	2,800	2,800				2,800	2,800		
2	XD Nhà làm việc khối đoàn thể phường Hưng Chiến	2512 28/10/2019	3,600	2,000	2,000				2,000		2,000	
3	XD Nhà văn hóa khu phố Đông Phát, phường Hưng Chiến	2365 30/10/2019	550	500	500				500	500		
<b>d</b>	<b>Giao thông</b>		<b>131,800</b>	<b>102,300</b>	<b>59,300</b>	<b>9,500</b>	<b>33,500</b>	<b>0</b>	<b>78,800</b>	<b>62,300</b>	<b>16,500</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng đường bê tông từ Trường Tiểu học Thanh Lương B đi ấp Sóc Giếng xã Thanh Lương	2529 30/10/2019	16,000	11,200	11,200				11,200	11,200		
2	Xây dựng đường bê tông ấp Thanh Kiều đi tổ 5 ấp Thanh Bình (2.880m)	2530 30/10/2019	10,500	7,000	7,000				7,000		7,000	
3	Nâng cấp đường TPT5 đoạn từ TPT8 đến TPT4 xã Thanh Phú (2.690m)	2528 30/10/2019	12,500	8,200	8,200				8,200	8,200		
4	Nâng cấp đường PĐT13 đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 phường Phú Đức	2575 31/10/2019	4,600	1,600	1,600				1,600	1,600		
5	Nâng cấp đường PĐT14 đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến PĐT1 phường Phú Đức	2564 30/10/2019	4,300	1,300	1,300				1,300	1,300		
6	Nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài, phường Phú Thịnh	2337 14/10/2019	3,300	1,500		1,500			1,500		1,500	





STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
7	Nâng cấp mở rộng đường TLT2 từ QL13 đi đường DT757	2458 17/10/2019	12,000	8,000		8,000			8,000		8,000	
8	Láng nhựa đường ALT7 (tổ 6, tổ 7), phường An Lộc	2515 29/10/2019	4,600	3,000	3,000				3,000	3,000		
9	XD đường bê tông tổ 10,11 ấp Thanh An, xã Thanh Lương (đường vào bãi rác tạm)	2546 30/10/2019	9,000	6,000	6,000				6,000	6,000		
10	Bồi thường GPMB Nâng cấp đường DT752 đoạn từ thị xã Bình Long đi trường THPT chuyên Bình Long	2784 30/10/2017	55,000	54,500	21,000		33,500		31,000	31,000		
<b>B</b>	<b>DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2021-2025</b>		<b>2,195,718</b>	<b>1,118,700</b>	<b>433,400</b>	<b>88,200</b>	<b>576,100</b>	<b>21,000</b>	<b>1,878,100</b>	<b>1,758,900</b>	<b>98,200</b>	<b>21,000</b>
*	<b>Khu trung tâm hành chính mới TX Bình Long</b>		<b>1,008,953</b>	<b>579,100</b>	<b>0</b>	<b>12,000</b>	<b>567,100</b>	<b>0</b>	<b>718,000</b>	<b>718,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng đường D5 khu trung tâm hành chính mới, phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	45,294	45,000			45,000		45,000	45,000		
2	Xây dựng đường N5 khu trung tâm hành chính mới, phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	32,560	32,000			32,000		32,000	32,000		
3	Xây dựng đường D1 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	49,424	49,000			49,000		49,000	49,000		
4	Xây dựng đường D2 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	30,712	30,000			30,000		30,000	30,000		
5	Xây dựng đường D3 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long		55,000	8,000			8,000		55,000	55,000		
6	Xây dựng đường D4 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long		43,190	43,000			43,000		9,000	9,000		
7	Xây dựng đường D6 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	50,000	14,000			14,000		50,000	50,000		
8	Xây dựng đường D7 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	55,629	55,000			55,000		55,000	55,000		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
9	Xây dựng đường N1 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	42,000	42,000			42,000		42,000	42,000		
10	Xây dựng đường N2 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long		79,000	17,000			17,000		79,000	79,000		
11	Xây dựng đường N3 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	10,000	10,000			10,000		10,000	10,000		
12	Xây dựng đường N4 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	9,500	9,000			9,000		9,000	9,000		
13	Xây dựng đường N6 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	9,491	9,000			9,000		9,000	9,000		
14	Xây dựng đường N7 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	22,608	22,000			22,000		22,000	22,000		
15	Xây dựng đường N8 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	9,491	9,000			9,000		9,000	9,000		
16	Xây dựng đường N9 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	9,491	9,000			9,000		9,000	9,000		
17	Xây dựng đường N10 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long		57,000	17,000			17,000		57,000	57,000		
18	Xây dựng đường N11 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	10,162	10,000			10,000		10,000	10,000		
19	Xây dựng đường N12 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	30,576	30,000			30,000		30,000	30,000		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
20	Xây dựng mạng hậu thoát trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	69,321	69,000			69,000		69,000	69,000		
21	San lấp mặt bằng khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	132 22/10/2020	32,020	32,000			32,000		32,000	32,000		
22	Láng nhựa đường Trần Quang Khải nối dài, phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	3,186	3,000			3,000		3,000	3,000		
23	Nâng cao trình mặt bằng khu TĐC cuối tuyến A&B thuộc dự án đường vành đai khu dân cư Hồ Sa Cát	132 22/10/2020	3,298	3,100			3,100		3,000	3,000		
25	XD Trụ sở làm việc Khố HĐND-UBND thị xã Bình Long		250,000	12,000		12,000			0	0		
<b>a</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>		<b>372,767</b>	<b>205,900</b>	<b>155,900</b>	<b>29,000</b>	<b>0</b>	<b>21,000</b>	<b>363,200</b>	<b>327,200</b>	<b>15,000</b>	<b>21,000</b>
1	Mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu - Chương trình giáo dục phổ thông mới	132 22/10/2020	20,000	20,000	5,000	15,000			20,000	5,000	15,000	
2	Xây dựng 08 phòng học lầu Trường Tiểu học Lê Văn Tám, phường An Lộc, thị xã Bình Long	1473 07/06/2021	7,002	7,000	7,000				7,000	7,000		
3	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường THCS An Lộc B, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	1472 07/06/2021	3,165	3,100	3,100				3,100	3,100		
4	XD 02 phòng học (điểm lẻ Thanh Bình) và hàng rào Trường Mầm non Thanh Lương	429 02/03/2022	3,600	3,600	3,600				3,600	3,600		
5	XD 10 phòng học Trường TH Thanh Lương B	430 02/03/2022	9,800	9,800	2,800			7,000	9,800	2,800		7,000
6	XD 10 phòng học Trường TH Võ Thị Sáu		9,700	9,700	9,700				9,700	9,700		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
7	XD 12 phòng học Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, xã Thanh Lương		11,500	11,500	4,500			7,000	11,500	4,500		7,000
8	XD Trường TH-THCS Thanh Lương giai đoạn 1		12,800	12,800	5,800			7,000	12,800	5,800		7,000
9	XD Trường TH-THCS Thanh Lương giai đoạn 2		85,400	85,400	85,400				85,200	85,200		
10	Mua sắm trang thiết bị Trường TH-THCS Thanh Lương		17,000	17,000	17,000				17,000	17,000		
11	Đầu tư thiết bị bàn ghế các trường học trên địa bàn thị xã.		5,200	5,000	5,000				5,000	5,000		
12	Bồi thường GPMB Trường THPT Bình Long		3,000	3,000	3,000				3,000	3,000		
13	XD 06P chức năng và trang thiết bị Trường TH Thanh Phú A		6,600						6,600	6,600		
14	XD 02 phòng học, 06 phòng chức năng, hàng rào Trường MN Vĩnh Khuyên		11,500						11,500	11,500		
15	XD 04 phòng học, 08 phòng chức năng Trường MN Hoa Mai		11,200						11,200	11,200		
16	XD 16 phòng chức năng, Nhà bảo vệ Trường TH An Lộc B		16,500						15,000	15,000		
17	XD 14 phòng chức năng, nhà tập đa năng và trang thiết bị Trường PTDT nội trú THCS Bình Long		23,800	3,000	3,000				23,800	23,800		
18	XD 06 phòng chức năng, trang thiết bị Trường MN Thanh Phú		6,600						6,600	6,600		
19	XD 15 phòng học lý thuyết, 25 phòng chức năng và trang thiết bị các phòng học bộ môn Trường TH-THCS Thanh Phú		44,900						44,900	44,900		
20	XD 08 phòng học Trường TH-THCS An Phú		8,000						8,000	8,000		
21	XD 10 phòng học, bổ sung trang thiết bị các phòng học bộ môn Trường TH Võ Thị Sáu		10,600						10,600	10,600		
22	XD 08 phòng học lý thuyết, 12 phòng chức năng Trường TH An Lộc A		15,000	14,000		14,000			15,000	15,000		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
23	XD 05 phòng học, 10 phòng chức năng Trường THCS An Lộc		19,900	1,000	1,000				12,300	12,300		
24	XD 10 phòng học Trường THCS An Lộc B		10,000						10,000	10,000		
<b>b</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>		<b>29,343</b>	<b>5,700</b>	<b>5,700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>29,700</b>	<b>29,700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng nhà làm việc một cửa, tiếp dân UBND phường An Lộc	132 22/10/2020	3,243	3,200	3,200				3,200	3,200		
2	Sửa chữa hội trường UBND phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	1,000	1,000	1,000				1,000	1,000		
3	XD Nhà làm việc bộ phận một cửa UBND phường Hưng Chiến		3,600						3,600	3,600		
4	XD Nhà văn hóa khu phố Bình Tây, phường Hưng Chiến		600	600	600				1,000	1,000		
5	XD Nhà làm việc khối đoàn thể phường An Lộc		4,700						4,700	4,700		
6	XD Nhà vệ sinh, mương thoát nước và sân khuôn viên UBND phường An Lộc		1,000						1,000	1,000		
7	XD Trụ sở khu phố Phú An, phường An Lộc		1,000						1,000	1,000		
8	XD Nhà làm việc bộ phận một cửa UBND phường Phú Thịnh		3,600						3,600	3,600		
9	XD Trụ sở khu phố Phú Hòa, phường Phú Thịnh		1,900						1,900	1,900		
10	Mở rộng Hội trường và xây nhà vệ sinh Hội trường UBND phường Phú Đức		1,000						1,000	1,000		
11	XD Tường rào, Sân bê tông UBND phường Phú Đức		2,700	400	400				2,700	2,700		
12	XD Nhà làm việc Bộ phận một cửa UBND phường Phú Đức		3,600						3,600	3,600		
13	XD Nhà Văn hóa khu phố Phú Hòa 1, phường Phú Đức		1,000	500	500				1,000	1,000		
14	Sửa chữa Trụ sở, xây nhà vệ sinh Nhà văn hóa khu phố Phú Hòa 2, phường Phú Đức		400						400	400		
<b>c</b>	<b>Quốc phòng</b>		<b>19,422</b>	<b>7,700</b>	<b>7,700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19,400</b>	<b>19,400</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	XD Nhà nghỉ sỹ quan, Nhà khách, Tường rào, Nhà vệ sinh cho lực lượng dân quân BCH Quân sự thị xã		9,200						9,200	9,200		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
2	XD Nhà làm việc BCH Quân sự phường Hưng Chiến		2,500						2,500	2,500		
3	Bồi thường, hỗ trợ cho Dự án vùng lõi căn cứ hậu cần kỹ thuật thị xã Bình Long		3,300	3,300	3,300				3,300	3,300		
4	XD nhà ăn tiếp khách, nhà xe BCH quân sự thị xã		2,000	2,000	2,000				2,000	2,000		
5	Xây dựng nhà công vụ ban chỉ huy quân sự phường An Lộc		2,422	2,400	2,400				2,400	2,400		
<b>d</b>	<b>An ninh</b>		<b>4,900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4,900</b>	<b>4,900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	XD Nhà làm việc Công an xã Thanh Phú		4,000						4,000	4,000		
2	XD Bờ kè, Tường rào Nhà làm việc khối điều tra Công an thị xã Bình Long		900						900	900		
<b>d</b>	<b>Giao thông</b>		<b>543,666</b>	<b>238,700</b>	<b>183,300</b>	<b>46,400</b>	<b>9,000</b>	<b>0</b>	<b>526,400</b>	<b>444,000</b>	<b>82,400</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng đường PĐT9 (đoạn từ ngã ba Sóc Phú Bồn đến giáp đường PĐT12) phường Phú Đức, thị xã Bình Long	132 22/10/2020	6,000	6,000	6,000				6,000	6,000		
2	Xây dựng mương thoát nước, vỉa hè, thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phú Đức	132 22/10/2020	4,300	4,300	4,300				4,300	4,300		
3	Xây dựng mương thoát nước, vỉa hè, thảm bê tông nhựa đường Lê Hồng Phong (đoạn từ ngã tư Đoàn Thị Điểm đến ngã ba Trần Quang Khải), phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	7,000	7,000	7,000				7,000	7,000		
4	Xây dựng mương thoát nước,thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Đoàn Thị Điểm đến đường HCT21) phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	18,258	18,000		18,000			18,000		18,000	
5	Xây dựng mương thoát nước, vỉa hè, thảm bê tông nhựa đường Đinh Công Tráng và Nguyễn Hữu Cảnh, phường Phú Đức	132 22/10/2020	5,000	5,000	5,000				5,000	5,000		
6	Thảm bê tông nhựa đường Trần Phú ( đoạn từ Bùi Thị Xuân đến đường ALT1), phường An Lộc	132 22/10/2020	7,422	7,000		7,000			7,000		7,000	



STT	Dan h mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
7	Láng nhựa đường từ ngã tư tổ 6 ấp Thanh Tuấn đi cầu ông Ba Tạng ( đầu ĐT757 đi Lộc Ninh), xã Thanh Lương	132 22/10/2020	9,159	9,000		9,000			9,000		9,000	
8	Láng nhựa tuyến đường từ đập tràn tổ 8 ấp Thanh thiện đi nghĩa trang ấp Thanh Thiện, xã Thanh Lương	132 22/10/2020	7,303	7,000		7,000			7,000		7,000	
9	Nâng cấp, xây dựng mương thoát nước, via hè đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ QL13 đến công ty cao su cũ), phường Hưng Chiến	132 22/10/2020	5,000	5,000	5,000				5,000	5,000		
10	Nâng cấp đường vành đai Nghĩa trang nhân dân thị xã Bình Long	132 22/10/2020	3,922	3,000	3,000				3,000	3,000		
11	Nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Thủ Khoa Huân, phường An Lộc	132 22/10/2020	3,597	3,000	3,000				3,000	3,000		
12	Nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Hùng Vương, đoạn từ ngã ba Nguyễn Du đến ngã tư Ngô Quyền, phường An Lộc	132 22/10/2020	3,338	3,000	3,000				3,000	3,000		
13	Nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Bùi Thị Xuân, (đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú), phường An Lộc	132 22/10/2020	2,604	2,000	2,000				2,000	2,000		
14	Xây dựng mương thoát nước, via hè, thảm bê tông nhựa đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ Trần Phú đến Đoàn Thị Điểm), phường An Lộc	132 22/10/2020	4,274	4,000	4,000				4,000	4,000		
15	Láng nhựa đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ trường THPT Bình Long đến đường nhựa công ty cao su) phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	1474 07/06/2021	5,416	5,400		5,400			5,400		5,400	
16	Nâng cấp đường ALT22, phường An Lộc	1565 11/06/2021	9,895	9,800	5,000		4,800		9,800	5,000	4,800	
17	Nâng cấp, mở rộng đường TPT2, xã Thanh Phú	1564 11/06/2021	29,505	29,200	25,000		4,200		29,200	24,000	5,200	
18	Xd mương thoát nước tại tổ 1,2,3 kp Phú Hòa, Phú Đức	1534 09/06/2021	1,636	1,600	1,600				1,600	1,600		
19	XD đường số 5 giáp trường chuyên Bình Long (đoạn từ HCT1 đến ĐT752)		7,000	7,000	7,000				7,000	7,000		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
20	Nâng cấp cầu bản đường HCT1, phường Hưng Chiến		3,500	3,500	3,500				3,500	3,500		
21	XD Đường từ tổ 10 ấp Thanh An đi Nhà văn hóa ấp Thanh An, xã Thanh Lương		14,500	14,500	14,500				14,500	10,000	4,500	
22	Vốn hỗ trợ cho xã phường thực hiện đường BTXM theo cơ chế đặc thù		10,000	10,000	10,000				10,000	10,000		
23	XD hệ thống chiếu sáng các tuyến đường xung quanh hồ Sa Cát		2,000	2,000	2,000				2,000	2,000		
24	Bồi thường GPMB Dự án nạo vét kênh, xây dựng đường giao thông và cống thoát nước tại các điểm ngập úng trên địa bàn thị xã Bình Long		5,082	5,000	5,000				5,000	5,000		
25	Bồi thường GPMB Nâng cấp mở rộng đường DT752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản		15,000	15,000	15,000				10,000	10,000		
26	Bồi thường GPMB Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản		32,000	20,000	20,000				32,000	30,000	2,000	
27	Bồi thường GPMB đường Lê Đại Hành nối dài, tiếp giáp huyện Hớn Quản		58,355	20,000	20,000				57,000	42,000	15,000	
28	Sửa chữa, nâng cấp thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Du		27,500	2,000	2,000				27,500	23,000	4,500	
29	XD mương thoát nước đường ALT3 phường An Lộc		3,000	1,500	1,500				3,000	3,000		
30	Thảm bê tông nhựa đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ ngã ba Phan Bội Châu đến ngã tư Trần Hưng Đạo)		3,000						3,000	3,000		
31	XD Vía hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa đường Ngô Quyền (đoạn từ ngã tư Thủ Khoa Huân đến tiếp giáp QL13)		18,000						11,500	11,500		
32	XD Vía hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa các tuyến đường KDC Nguyễn Huệ, Phan Bội Châu, Lý Thường Kiệt		5,000						5,000	5,000		
33	XD Vía hè, mương thoát nước, thảm bê tông nhựa các tuyến đường KDC đường Nguyễn Huệ - Lê Quý Đôn - Phan Bội Châu, phường An Lộc		5,000						5,000	5,000		





STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
34	XD 02 tuyến đường ngang và thảm bê tông nhựa đường Nguyễn Đức Cảnh, đường Đinh Công Tráng		5,000	2,000	2,000				5,000	5,000		
35	XD Đường PDT13 đoạn từ Cầu đến giáp ranh huyện Hớn Quản		8,000						8,000	8,000		
36	18. XD Đường PDT14 đoạn từ Cầu đến giáp ranh huyện Hớn Quản		8,000						8,000	8,000		
37	XD Vía hè, Mương thoát nước, thảm bê tông nhựa đường Nơ Trang Long (đoạn từ QL13 đến đường rầy xe lửa), phường Phú Thịnh		10,000						10,000	10,000		
38	XD Cầu dân sinh bắc qua Suối Cầu Trắng từ đường Hồ Tùng Mậu qua tổ 5, tổ 6 khu phố Phú Thuận, phường Phú Thịnh.		1,100						1,100	1,100		
39	Nâng cấp, mở rộng đường Sóc Bè đi Thanh Thủy (1,4km), xã Thanh Phú		5,800						5,800	5,800		
40	Nâng cấp, mở rộng đường từ ấp Thanh Thủy đi Quốc lộ 13, xã Thanh Phú		18,000						18,000	18,000		
41	XD Hệ thống chiếu sáng đường Sư Vạn Hạnh, phường Hưng Chiến		11,000						11,000	11,000		
42	XD Hệ thống chiếu sáng đường Ngô Quyền và đường Lê Hồng Phong		4,700						4,700	4,700		
43	XD Hệ thống chiếu sáng đường Trừ Văn Thố		1,100						1,100	1,100		
44	XD Hệ thống chiếu sáng đường Bùi Thị Xuân		1,200						1,200	1,200		
45	XD Hệ thống chiếu sáng đường Thủ Khoa Huân		1,700						1,700	1,700		
46	XD Mương thoát nước đường TLT27 (đoạn QL13 đến Suối)		2,500						2,500	2,500		
47	Di dời đường điện trung thế ALT1 phường An Lộc		2,400	2,400	2,400				2,400	2,400		
48	XD Đường TLT5 từ QL13 đi Cổng chào ấp Phố Lố, xã Thanh Lương		14,900						14,900	14,900		
49	Nâng cấp, mở rộng đường từ Cổng chào ấp Phố Lố đi Nhà máy xi măng, xã Thanh Lương		6,000						6,000	6,000		
50	Nâng cấp, mở rộng đường từ Trường TH Thanh Lương B đi cống Ông Ba Thanh		6,000						6,000	6,000		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
51	XD Công hợp tại tổ 3 khu phố Phú Hòa 1, phường Phú Đức		1,000						1,000	1,000		
52	XD Mương thoát nước từ tổ 8 khu phố Phú Trọng đến Suối Cầu Trắng, phường Phú Đức		300						300	300		
53	XD Đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản (Dự án tỉnh phê duyệt, thị xã Bình Long đối ứng 37,7 tỷ đồng theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước).		37,700						37,700	37,700		
54	Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Tầng)		18,000						18,000	18,000		
55	XD Vía hè, thảm bê tông nhựa đường Bà Triệu, phường Phú Thịnh		9,800						9,800	9,800		
56	Thảm bê tông nhựa nóng các tuyến đường KDC Nguyễn Chí Thanh, phường Hưng Chiến		3,000	1,000	1,000				3,000	3,000		
57	XD Đường HCT3 từ ngã ba phường Hưng Chiến đến ngã ba Sóc Bình Ninh 1		14,900	1,000	1,000				14,900	14,900		
58	XD đường tổ 3 Bình Ninh 1, phường Hưng Chiến		2,500	2,500	2,500				2,500	2,500		
59	Nâng cấp, mở rộng đường TPT26 từ ấp Thanh Xuân đi ấp Thanh Sơn, xã Thanh Phú		6,500						6,500	6,500		
<b>e</b>	<b>Quy hoạch</b>		<b>25,167</b>	<b>25,000</b>	<b>25,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25,000</b>	<b>25,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Khảo sát, đo đạc lập đồ án Quy hoạch xây dựng phân khu tỉ lệ 1/2000 phường An Lộc (phần diện tích còn lại)		3,000	3,000	3,000				3,000	3,000		
2	Khảo sát, đo đạc lập đồ án Quy hoạch xây dựng phân khu tỉ lệ 1/2000 phường Hưng Chiến (phần diện tích còn lại)		4,364	4,300	4,300				4,300	4,300		
3	Khảo sát, đo đạc lập đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long		6,800	6,800	6,800				6,800	6,800		
4	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu dân cư 15ha phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long		1,209	1,200	1,200				1,200	1,200		





STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
5	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long		1,000	1,000	1,000				1,000	1,000		
6	Lập Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KDC Thanh Phú		1,094	1,000	1,000				1,000	1,000		
7	Quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thị xã Bình Long		2,200	2,200	2,200				2,200	2,200		
8	Khảo sát, lập đồ án quy hoạch chung xã Thanh Lương		4,800	4,800	4,800				4,800	4,800		
9	Khảo sát, đo đạc lập đồ án Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân thị xã Bình Long		700	700	700				700	700		
<b>f</b>	<b>Khoa học công nghệ</b>		<b>10,600</b>	<b>800</b>	<b>0</b>	<b>800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10,600</b>	<b>9,800</b>	<b>800</b>	<b>0</b>
1	Đầu tư trang thiết bị phòng máy vi tính Trường THCS An Lộc	1532 09/06/2021	400	400		400			400		400	
2	Đầu tư trang thiết bị phòng máy vi tính Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Lương	1533 09/06/2021	400	400		400			400		400	
3	Đầu tư trang thiết bị phòng máy vi tính các trường học trên địa bàn		9,800						9,800	9,800		
<b>g</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>		<b>37,900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>37,900</b>	<b>37,900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nâng cấp hệ thống Camera an ninh, giao thông		5,500						5,500	5,500		
2	Xây dựng phần mềm quản lý sản phẩm OCOP		1,500						1,500	1,500		
3	Mua sắm thiết bị văn phòng, phòng ban và phòng họp Thị ủy, UBND thị xã thực hiện chính quyền số		4,200						4,200	4,200		
4	Mua sắm thiết bị CNTT cho các cơ quan, đơn vị, các xã, phường để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, vận hành chính quyền số		4,500						4,500	4,500		
5	Lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường, giám sát nước sạch		1,000						1,000	1,000		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
6	Thuê phần mềm quản lý xử phạt hành chính các ngành		1,200						1,200	1,200		
7	Số hóa công tác thu phí DVC, Giáo dục, Y tế, công trình công cộng, đóng góp nhân dân		3,500						3,500	3,500		
8	Số hóa ngành giáo dục và triển khai thí điểm trường học thông minh		6,000						6,000	6,000		
9	Số hóa ngành y tế và triển khai thí điểm Bệnh viện thông minh		4,500						4,500	4,500		
10	Xây dựng phần mềm quản lý hạ tầng công trình công cộng		3,000						3,000	3,000		
11	Đầu tư mua sắm thiết bị màn hình Led cho UBND các xã, phường, Công an thị xã, Ban CHQS thị xã, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị, Trung tâm y tế thị xã		3,000						3,000	3,000		
<b>h</b>	<b>Y tế</b>		<b>16,000</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16,000</b>	<b>16,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế TTYT thị xã Bình Long		9,000						9,000	9,000		
2	Sửa chữa Trạm y tế phường Phú Đức		1,000	500	500				1,000	1,000		
3	XD Trạm y tế xã Thanh Lương		3,000						3,000	3,000		
4	XD Trạm y tế phường An Lộc		3,000						3,000	3,000		
<b>i</b>	<b>Văn hóa</b>		<b>26,500</b>	<b>4,300</b>	<b>4,300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26,500</b>	<b>26,500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	XD các Công viên văn hóa trên địa bàn thị xã		18,000	2,000	2,000				18,000	18,000		
2	XD Nhà văn hóa đa năng xã Thanh Phú		6,500	300	300				6,500	6,500		
3	Sửa chữa nhà tập đa năng TTVHTT thị xã		2,000	2,000	2,000				2,000	2,000		
<b>f</b>	<b>Bảo vệ Môi trường</b>		<b>15,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15,000</b>	<b>15,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Dự án Xử lý rác thải tại Bãi rác tạm ấp Thanh An, xã Thanh Lương		15,000						15,000	15,000		
<b>h</b>	<b>Thương mại - Công nghiệp</b>		<b>47,000</b>	<b>24,000</b>	<b>24,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>47,000</b>	<b>47,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XDCB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
1	Bồi thường GPMB chợ Bình Long		24,000	24,000	24,000				24,000	24,000		
2	Sửa chữa Chợ Thanh Lương		3,000						3,000	3,000		
3	XD Mương thoát nước ngoài hàng rào Cụm Công nghiệp xã Thanh Phú		20,000						20,000	20,000		
<b>i</b>	<b>Công cộng</b>		<b>27,000</b>	<b>27,000</b>	<b>27,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>27,000</b>	<b>27,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Bồi thường GPMB Nghĩa trang Sóc Bể xã Thanh Phú		22,000	22,000	22,000				22,000	22,000		
2	Bồi thường GPMB khu dân cư 15ha phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long		5,000	5,000	5,000				5,000	5,000		
<b>k</b>	<b>Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Thanh Phú</b>		<b>11,500</b>						<b>11,500</b>	<b>11,500</b>		
<b>C</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>		<b>172,400</b>	<b>28,400</b>	<b>8,400</b>	<b>20,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8,400</b>	<b>7,400</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>
<b>a</b>	<b>Văn hoá</b>		<b>1,200</b>	<b>1,200</b>	<b>1,200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	XD trụ sở nhà văn hóa khu phố Phú Tân, phường An Lộc		600	600	600				0	0		
2	XD nhà văn hóa ấp Hưng Phú, phường Hưng Chiến		600	600	600				500	500		
<b>c</b>	<b>Giáo dục đào tạo</b>		<b>151,200</b>	<b>4,200</b>	<b>1,200</b>	<b>3,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>	<b>1,000</b>	<b>0</b>
1	XD Trường Tiểu học Thanh Bình		60,000	1,000		1,000			1,000		1,000	
2	XD Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Phú		90,000	2,000		2,000			0		0	
3	Sửa chữa Trường Mầm non Hoà Mĩ		1,200	1,200	1,200				0	0		
<b>d</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>		<b>20,000</b>	<b>19,000</b>	<b>2,000</b>	<b>17,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Đầu Tư hạ tầng CNTT thị xã Bình Long		20,000	19,000	2,000	17,000			0	0	0	
<b>e</b>	<b>Giao thông</b>		<b>0</b>	<b>4,000</b>	<b>4,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6,900</b>	<b>6,900</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương thị xã Bình Long								3,100	3,100		
2	XD mương thoát nước đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Đức			2,000	2,000				0	0		



STT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 (theo NQ số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022)					Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
				Tổng cộng	Nguồn SDD hàng năm	Nguồn vốn phân cấp	Nguồn SD đất khu TTHC	Vốn NS tỉnh hỗ trợ	Tổng cộng	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn vốn cân đối (XD CB tập trung)	Vốn NS tỉnh hỗ trợ
3	XD Cống đường HCT8, HCT22, ALT16 và ALT18			2,000	2,000				500	500		
4	Thảm bê tông nhựa (5cm) đường DT752 đoạn từ Trần Phú đến ngã ba xe tăng								500	500		
5	XD Vĩa hè đường DT752 đoạn từ Trần Phú đến ranh Hón Quán								800	800		
6	XD Mương thoát nước, vĩa hè đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Nguyễn Văn Trỗi đến ngã ba Mũi dùi)								500	500		
7	Đường phía sau kênh hậu tổ 1,3 ấp Sở Nhì, tổ 4 Xa Cam 1, phường Hưng Chiến								500	500		
8	Nâng cấp, sửa chữa đường Sư Vạn Hạnh, phường Hưng Chiến								500	500		
9	Nâng cấp, sửa chữa đường Cao Bá Quát, phường Hưng Chiến								500	500		

HỒ NHỒI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Long, ngày      tháng      năm 2022

DỰ THẢO

## NGHỊ QUYẾT

Thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025  
nguồn vốn ngân sách nhà nước

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, KHÓA XII KỲ HỌP THỨ SÁU (CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.*

*Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 3/8/2022 của UBND thị xã; Báo cáo thẩm tra số 107/BC-HĐND-KTXH ngày 2/9/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thị xã; ý kiến thảo luận của đại biểu hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

### **I. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025**

Tổng kế hoạch đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.250 tỷ đồng (tăng 858 tỷ đồng so với so với kế hoạch trung hạn được thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 04/03/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã), cụ thể như sau:

#### **1. Vốn ngân sách tỉnh: 21 tỷ đồng.**

- Hỗ trợ xây dựng 30 phòng học: 21.000 tỷ đồng.





**2. Vốn ngân sách địa phương: 2.229 tỷ đồng.**

- Vốn cân đối (XDCB tập trung): 133 tỷ đồng.
- Vốn thu tiền sử dụng đất: 2.096 tỷ đồng.

*(Kèm theo biểu chi tiết số 01)*

**II. Điều chỉnh danh mục vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:**

*(Kèm theo biểu chi tiết số 02).*

**III. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:**

**1. Phân bổ chi tiết:**

Tổng vốn đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2021-2025 của thị xã là 1.975,6 tỷ đồng, phân bổ chi tiết như sau:

- Vốn các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2015-2020 chuyển sang: 89,1 tỷ đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025: 1.878,1 tỷ đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư các dự án: 8,4 tỷ đồng.

*(Kèm theo Biểu chi tiết số 02).*

**2. Dự phòng chung:** Tổng số vốn dự phòng chung cho kế hoạch trung hạn 2021-2025 là 274,4 tỷ đồng.

**Điều 2.** Giao UBND thị xã tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII, kỳ họp thứ sáu (chuyên đề) thông qua ngày            tháng            năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Thị ủy, TT. HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- UBMTTQVN thị xã
- Các Ban HĐND thị xã;
- Các Đại biểu HĐND thị xã;
- VP. HĐND & UBND thị xã;
- Phòng Tài chính - KH;
- LĐVP, CV (V);
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**